**Đặc tả *use case “*Update course*” in Course Registration System:***

***Đặc tả bằng văn bản***

1. Brief Description: Use case này cho phép quản lí khóa học ( course manager) chỉnh sửa các thông tin của môn học thông qua giao diện của họ.
2. Actor : Course manager .
3. Flow of Events (Basic Flow): Use case này được kích hoạt khi actor đăng nhập vào hệ thống
   1. Giao diện hiện thị danh sách các khóa học trong kỳ tới để course manager có thể lựa chọn các chức năng tương ứng.
   2. Course manager sẽ kích hoạt chức năng “update” thông tin của khóa học.
   3. Course manager lựa chọn thông tin khóa học muốn sửa trong danh sách này,thông tin cũ sẽ hiển thị, thay đổi chúng và nhấn “update”.
   4. Nếu các điều kiện thỏa mãn( được mô tả bởi \*) thì hệ thống sẽ hiện thị thông báo “update thành công” và hiển thị danh sách mới( được mô tả bởi \*\*).
4. Flow of Events (Alternative Flows):

Không thỏa mãn các điều kiện: khi course manager khóa học nhấn “update”, hệ thống sẽ kiểm tra xem có thỏa mãn các điều kiện , trên giao diện sẽ hiển thị thông báo lỗi.

Hủy cập nhật: Nếu course manager chưa ấn “update” thì họ có thể hủy update tại bất kỳ thời điểm nào, khi đó Use case sẽ được restart lại và thông tin về các môn học không có gì thay đổi.

1. Special Requirements: None.
2. Pre-Conditions: course manager phải login vào hệ thống trước khi thực hiện UC này.
3. Post-Conditions: Nếu UC này thực hiện thành công thì dữ liệu về các môn học sẽ thay đổi, ngược lại thì trạng thái của hệ thống không có gì thay đổi.
4. Extension Points: None

**Đặc tả bằng bảng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| # | Doer | Action |
| 1 | Course manager | Đăng nhập vào system |
| 2 | System | Giao diện hiện thị danh sách các khóa học trong kỳ tới để course manager có thể lựa chọn các chức năng tương ứng |
| 3 | Course manager | Course manager lựa chọn thông tin khóa học muốn sửa trong danh sách này,thông tin cũ sẽ hiển thị, thay đổi chúng và nhấn “update”. |
| 4 | System | Nếu các điều kiện thỏa mãn( được mô tả bởi \*) thì hệ thống sẽ hiện thị thông báo “update thành công” và hiển thị danh sách mới( được mô tả bởi \*\*). |
| Alternative Flows | | |
| 3.1 | Course manager | Khi course manager khóa học nhấn “update”, hệ thống sẽ kiểm tra xem có thỏa mãn các điều kiện , trên giao diện sẽ hiển thị thông báo lỗi. |
| 5 | Course manager | Nếu course manager chưa ấn “update” thì họ có thể hủy update tại bất kỳ thời điểm nào, khi đó Use case sẽ được restart lại và thông tin về các môn học không có gì thay đổi. |

\*Đặc tả dữ liệu vào cho chức năng update course

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| # | Tên | Tính hợp lệ | Bắt buộc | Mô tả |
| 1 | Course ID | Đúng định dạng (XX9999, XX: mã khoa, 9999:các số từ 0-9)  Tính duy nhất | Có |  |
| 2 | Course title | Tối đa 80 kí tự | Có |  |
| 3 | Start date | Ngày/ tháng/năm (năm hiển thị 4 chứ số) | Có |  |
| 4 | End date | Ngày/ tháng/năm (năm hiển thị 4 chứ số) | Có |  |
| 5 | Lecturer | Tối đa 80 kí tự, là người thuộc trường | Có |  |
| 6 | Prerequisies | Tối đa 80 kí tự | Không |  |